ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 164 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 28 tháng 4 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030"; Công văn số 1372/BYT-CDS ngày 04/3/2026 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030; UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Dân số số 113/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW;

- Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030";

- Quyết định số 1069/QĐ-BYT ngày 17/4/2026 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030;

- Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 26/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Lạng Sơn thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 09/3/2020, của UBND tỉnh Lạng Sơn về Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Lạng Sơn;

- Kế hoạch số 247-KH/TU, ngày 23/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 192/KH-UBND, ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 247-KH/TU thực hiện Kết luận số 149-KL/TW về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong giai đoạn 2020-2025, thực hiện Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các đối tượng, vùng miền đến năm 2030, công tác dân số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã đạt được những kết quả quan trọng. Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm ổn định quy mô, nâng cao chất lượng dân số, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên công tác dân số của tỉnh hiện đang đối mặt với nhiều thách thức:

- Mức sinh của tỉnh biến động phức tạp và đang có xu hướng tăng cao trở lại, chưa đạt sự ổn định bền vững. Theo số liệu thống kê giai đoạn 2020-2025, tổng tỷ suất sinh của tỉnh có sự dao động mạnh và chưa duy trì được mức sinh thay thế (2,1 con/phụ nữ). Cụ thể, sau khi giảm nhẹ từ 2,19 (năm 2020) xuống còn 2,13 (năm 2023), mức sinh đã có dấu hiệu tăng nhanh trở lại vào năm 2024 (2,22 con) và chạm mức 2,45 con/phụ nữ vào năm 2025. Thực trạng này cho thấy các kết quả đạt được chưa thực sự vững chắc; nếu không có các biện pháp can thiệp quyết liệt, nguy cơ bùng phát quy mô dân số trong thời gian tới là rất lớn.

- Tỷ số giới tính khi sinh có xu hướng tăng cao (năm 2025 là 116,1 bé trai/100 bé gái), cao hơn so với mức cân bằng tự nhiên. Nếu không được kiểm soát kịp thời, tình trạng mất cân bằng này sẽ để lại những hệ lụy nghiêm trọng về mặt xã hội và nhân khẩu học.

- Công tác dân số đang có sự chuyển hướng chiến lược từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW. Việc xây dựng kế hoạch bảo đảm mức sinh thay thế là bước cụ thể hóa sự chuyển hướng này, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh.

- Trong bối cảnh hiện nay, chi phí nuôi dạy con cái, áp lực về nhà ở, việc làm, giáo dục đang có tác động ngày càng lớn đến quyết định sinh con của các gia đình trẻ. Bên cạnh đó, sự thay đổi nhận thức của thế hệ trẻ về hôn nhân và sinh con cũng đặt ra yêu cầu phải điều chỉnh chính sách cho phù hợp với thực tiễn đang thay đổi.

- Duy trì mức sinh thay thế bền vững có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn. Đây là yếu tố quan trọng góp phần ổn định quy mô dân số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

II. THỰC TRẠNG MỨC SINH CỦA TỈNH LẠNG SƠN

1. Kết quả đạt được

Thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh mức sinh theo Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh, trong 05 năm qua, công tác dân số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã đạt được những kết quả quan trọng. Các chỉ tiêu về dân số cơ bản bám sát lộ trình đề ra; hệ thống dịch vụ dân số được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận các biện pháp tránh thai hiện đại và dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Kết quả cụ thể như sau:

- Về điều tiết mức sinh và quy mô dân số: Công tác điều tiết quy mô dân số ghi nhận những chuyển biến tích cực, tổng tỷ suất sinh (TFR) cơ bản được kiểm soát sát với ngưỡng thay thế trong phần lớn giai đoạn (năm 2020 đạt 2,19 con/phụ nữ; năm 2025 đạt 2,45 con/phụ nữ). Đặc biệt, tỷ suất sinh thô (CBR) trên toàn tỉnh đã giảm mạnh từ 15,20‰ (năm 2020) xuống còn 13,1‰ (năm 2025), phản ánh hiệu quả rõ rệt của công tác vận động và điều tiết quy mô dân số trên địa bàn.

- Về chăm sóc sức khỏe: 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15 - 49 tuổi) được tiếp cận thông tin: tư vấn, sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại, thực hiện tốt phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

- Về biện pháp tránh thai: Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại duy trì ở mức cao, đạt trên 69%, góp phần quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

- Về truyền thông và chất lượng dân số: Công tác truyền thông được đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với đặc thù từng nhóm đối tượng và địa bàn dân cư. Các mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số được triển khai hiệu quả, các chỉ tiêu chuyên môn hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

2. Tồn tại hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác dân số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn vẫn đang đối mặt với những tồn tại và hạn chế, cụ thể như sau:

- Mức sinh biến động phức tạp và đang có xu hướng tăng cao trở lại, chưa đạt ngưỡng ổn định bền vững: Mặc dù tổng tỷ suất sinh (TFR) có thời điểm giảm xuống mức 2,13 - 2,14 con/phụ nữ (giai đoạn 2022-2023), nhưng số liệu thực tế cho thấy sự thiếu ổn định. Đáng báo động là trong hai năm cuối giai đoạn, mức

sinh có dấu hiệu tăng mạnh trở lại: từ 2,22 con/phụ nữ (năm 2024) lên 2,45 con/phụ nữ (năm 2025). Chỉ số này hiện đã vượt xa mức sinh thay thế chuẩn (2,1 con/phụ nữ), cho thấy nguy cơ bùng phát quy mô dân số và áp lực lớn lên hệ thống an sinh xã hội nếu không kịp thời có giải pháp can thiệp.

- Tỷ số giới tính khi sinh của tỉnh liên tục duy trì ở mức cao và có xu hướng gia tăng. Đến năm 2025, tỷ số này đã chạm mức 116,1 bé trai/100 bé gái, chênh lệch rất lớn so với mức cân bằng tự nhiên. Điều này phản ánh tư tưởng "trọng nam khinh nữ" còn nặng nề và sẽ dẫn đến những hệ lụy nghiêm trọng về cấu trúc nhân khẩu học trong tương lai.

- Mức sinh vẫn duy trì ở mức cao tại vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản chất lượng cao tại các địa bàn khó khăn còn hạn chế, dẫn đến khó khăn trong việc điều tiết mức sinh đồng đều trên toàn tỉnh.

- Tư tưởng muốn có nhiều con, đặc biệt là tâm lý phải có con trai để nối dõi tông đường vẫn còn tồn tại trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Điều này dẫn đến tình trạng sinh con thứ 3 trở lên biến động theo chiều hướng tăng, gây cản trở mục tiêu duy trì mức sinh thay thế bền vững.

- Kinh phí đầu tư cho công tác dân số ở một số địa phương còn hạn hẹp; đội ngũ cộng tác viên dân số tại cơ sở thường xuyên biến động, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động và quản lý đối tượng tại địa bàn.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Lạng Sơn là tỉnh miền núi, biên giới, địa hình chia cắt, đời sống người dân còn khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Định kiến về giới tính, tư tưởng trọng nam hơn nữ, gia đình phải có con trai để nối dõi tông đường, phong tục tập quán lạc hậu về hôn nhân và sinh con còn ăn sâu trong tiềm thức của một bộ phận không nhỏ người dân.

- Sự di biến động cư dân tại các khu vực cửa khẩu, khu công nghiệp gây khó khăn cho việc quản lý đối tượng và triển khai các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản bền vững.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số địa phương, cấp ủy Đảng và chính quyền chưa thực sự quyết liệt, có tâm lý chủ quan khi thấy mức sinh bước đầu giảm nên thiếu sự đầu tư, duy trì các giải pháp kiểm soát liên tục.

- Kinh phí dành cho công tác dân số, đặc biệt là các chế độ hỗ trợ cho người dân tại vùng khó khăn còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, cộng tác viên tại cơ sở thường xuyên thay đổi, trình độ chuyên môn chưa đồng đều, ảnh hưởng đến chất lượng tư vấn, vận động.

- Công tác tuyên truyền, vận động tuy đã được đẩy mạnh nhưng đôi khi còn mang tính hình thức, chưa thực sự đi sâu vào thay đổi hành vi của các nhóm đối tượng đặc thù hoặc các hộ gia đình có nguy cơ sinh con thứ 3 cao.

- Việc cung cấp các biện pháp tránh thai hiện đại và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản tại một số địa bàn miền núi, vùng cao còn gặp khó khăn về khoảng cách và trang thiết bị kỹ thuật.

4. Bài học kinh nghiệm

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân số và phát triển với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện cần bám sát yêu cầu thực tiễn của địa phương; cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra sâu sát của cấp ủy, chính quyền các cấp; phát huy vai trò người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người có uy tín trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tự giác tham gia thực hiện công tác dân số và phát triển, mục tiêu giảm sinh trên địa bàn tỉnh.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền cần nhận thức đầy đủ, toàn diện về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của việc chuyển trọng tâm chính sách từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể. Lồng ghép các chỉ tiêu dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa bàn, từng ngành, từng lĩnh vực và phải có trọng tâm, trọng điểm. Phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện chính sách dân số. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực tham gia, đầu tư vào công tác dân số.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân thực hiện công tác dân số trong tình hình mới. Kết hợp công tác giáo dục, tuyên truyền chủ trương chính sách dân số và phát triển kết hợp với cung cấp dịch vụ thường xuyên, liên tục phù hợp với từng đối tượng, từng giai đoạn là một trong những yếu tố quan trọng trong việc thực hiện chính sách dân số.

- Đầu tư nguồn lực thỏa đáng và ổn định cho công tác dân số, đặc biệt là cho tuyến cơ sở. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, có chế độ đãi ngộ phù hợp để đội ngũ cán bộ dân số yên tâm công tác.

- Thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác dân số các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu duy trì bền vững mức sinh thay thế, đáp ứng nguồn nhân lực, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 09/3/2020 của UBND tỉnh về Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2030, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phấn đấu đạt và giữ vững tổng tỷ suất sinh (TFR) toàn tỉnh duy trì ổn định ở mức 2,1 con/phụ nữ. Giảm mức sinh ở các khu vực có mức sinh cao, vận động các cặp vợ chồng sinh đủ 02 con tại khu vực mức sinh thấp.

- 100% các cặp vợ chồng và thanh niên trong độ tuổi sinh đẻ (đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số) được tiếp cận đầy đủ thông tin về sức khỏe sinh sản, lợi ích của việc sinh đủ hai con và hệ lụy của việc kết hôn muộn/không muốn sinh con.

- 100% đối tượng thuộc diện thụ hưởng (phụ nữ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số...) được nhận hỗ trợ khi sinh con đúng chính sách dân số theo quy định của pháp luật.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị về việc chuyển hướng trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển đặc biệt tập trung vào điều chỉnh mức sinh để đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con) trên địa bàn toàn tỉnh.

- Thống nhất nhận thức trong toàn Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội về tầm quan trọng của việc vận động, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.

- Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về quy mô dân số và mức sinh vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, chính sách phát triển của địa phương đảm bảo tính tương thích với đặc điểm dân số; chú trọng giải pháp duy trì mức sinh thay thế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

- Tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây gọi là Nghị quyết số 21-NQ/TW); Luật Dân số ngày 10/12/2025; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 15/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện công tác dân số trong tình hình mới; Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số

21-NQ/TW; Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 26/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 247-KH/TU, ngày 23/6/2025 thực hiện Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Kế hoạch số 192/KH-UBND, ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 247-KH/TU thực hiện Kết luận số 149-KL/TW về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 09/3/2020 của UBND tỉnh và các văn bản liên quan. Tập trung tuyên truyền, vận động mỗi gia đình, cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con để đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh**,** góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của cả nước; khẳng định rõ vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt, nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của tỉnh Lạng Sơn và hạnh phúc của mỗi gia đình.

- Chuyển đổi thông điệp linh hoạt theo vùng mức sinh: Tại vùng mức sinh cao: Tập trung tuyên truyền "Dừng lại ở 2 con để nuôi dạy cho tốt", gắn với vận động xóa bỏ hủ tục tảo hôn và kết hôn cận huyết thống để thoát nghèo bền vững. Tại vùng mức sinh thấp: Đẩy mạnh thông điệp "Mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 02 con".

- Tập trung tuyên truyền về lợi ích của việc kết hôn trước 30 tuổi, sinh đủ hai con trước 35 tuổi, các yếu tố bất lợi của việc kết hôn muộn, sinh con muộn và sinh ít con đối với sự phát triển bền vững của gia đình và xã hội. Tuyên truyền về tác hại của việc sinh con quá sớm, sinh quá dày ảnh hưởng đến sức khỏe bà mẹ, trẻ em và chất lượng giống nòi (đặc biệt là bệnh tan máu bẩm sinh Thalassemia).

- Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh thai ngoài ý muốn, tư vấn/khám tiền hôn nhân, và hỗ trợ điều trị vô sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số. Chương trình tập trung tuyên truyền, vận động nam, nữ thanh niên và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ chủ động tiếp cận dịch vụ y tế, khám sức khỏe tổng quát và di truyền trước khi kết hôn, đảm bảo hạnh phúc gia đình và thế hệ tương lai khỏe mạnh.

- Tiếp tục công tác tuyên truyền, vận động với các hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục. Nâng cao hiệu quả truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng sử dụng mạng xã hội (Zalo, Facebook) và truyền thông đa phương tiện, đặc biệt là các chương trình văn hóa, văn nghệ, giải trí bằng tiếng dân tộc (Tày, Nùng). Phát huy vai trò của người uy tín, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, gia đình và dòng họ trong việc lan tỏa chủ trương. Đặc biệt, đẩy mạnh tuyên truyền trực tiếp "đi từng ngõ, gõ từng nhà", phát huy tối đa vai trò của đội ngũ cộng tác viên, nhân viên y tế thôn bản tại các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Đổi mới toàn diện giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản theo hướng tích hợp, phù hợp từng cấp học và lứa tuổi, cả trong và ngoài nhà trường. Nội dung tập trung trang bị kiến thức hệ thống về cơ quan sinh sản, kỹ năng chăm sóc sức khỏe

sinh sản, phòng tránh thai ngoài ý muốn, vô sinh, bệnh lây truyền tình dục và giáo dục giá trị hôn nhân - sinh con bền vững, nâng cao chất lượng dân số.

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

- Rà soát, đề xuất sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định không phù hợp với mục tiêu đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đặc biệt là các quy định xử lý vi phạm chính sách dân số hiện hành.

- Tham mưu HĐND tỉnh ban hành chính sách thực hiện hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn, xã thuộc khu vực biên giới.

- Nghiên cứu, bổ sung các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh con, sinh đủ hai con, phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động của các chính sách về lao động, việc làm, nhà ở, phúc lợi xã hội, giáo dục, y tế;... đến việc sinh ít con.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan

- Phổ cập dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số.

- Mở rộng cung cấp các biện pháp tránh thai hiện đại, thân thiện, chất lượng cao tại các cơ sở y tế công và tư nhân. Đẩy mạnh các dịch vụ tư vấn tiền hôn nhân, khám sức khỏe tiền hôn nhân cho thanh niên, vị thành niên để chủ động kiểm soát sức khỏe và chất lượng dân số. Tăng cường tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng đặc thù: người dân vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Đảm bảo mọi người dân, không phân biệt giới tính, tình trạng hôn nhân (đã kết hôn và chưa kết hôn) đều được tiếp cận công bằng, bình đẳng với các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản chất lượng.

- Đẩy mạnh tư vấn để các cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời gian sinh và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và mục tiêu duy trì mức sinh thay thế của tỉnh. Tập trung nguồn lực phổ cập dịch vụ đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực biên giới nhằm rút ngắn khoảng cách hưởng thụ dịch vụ y tế.

- Xây dựng và triển khai các mô hình dự phòng vô sinh ngay từ cơ sở. Tập trung giáo dục, nâng cao nhận thức cho thanh niên về các nguy cơ gây vô sinh (lối sống, nạo phá thai không an toàn, bệnh lây qua đường tình dục) nhằm giảm thiểu nguy cơ dẫn đến vô sinh.

- Củng cố hệ thống y tế từ tỉnh đến cơ sở trong việc tư vấn, can thiệp sớm các vấn đề về hiếm muộn. Xây dựng và triển khai các mô hình giáo dục, tư vấn

dự phòng vô sinh ngay tại cộng đồng. Tập trung vào việc khám sàng lọc, phát hiện sớm và điều trị các bệnh viêm nhiễm đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục nhằm giảm thiểu nguy cơ dẫn đến vô sinh.

- Xây dựng quy trình chuyển tuyến, kết nối giữa y tế cơ sở và các bệnh viện chuyên khoa tuyến Trung ương để hỗ trợ kịp thời các cặp vợ chồng hiếm muộn tại địa phương.

- Tập trung kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm các nguy cơ dị tật bẩm sinh và các bệnh lý di truyền phổ biến như bệnh tan máu bẩm sinh - Thalassemia nhằm giảm thiểu tỷ lệ sinh con khuyết tật và nâng cao chất lượng dân số.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

5.1. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép các nội dung về bảo đảm mức sinh thay thế vào nhiệm vụ, hoạt động của các ngành, đơn vị.

- Cập nhật kiến thức mới, tập huấn lại, bảo đảm đội ngũ những người công tác dân số đặc biệt là cộng tác viên dân số trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc sinh con; tham gia cung cấp một số dịch vụ dân số tới hộ gia đình.

- Bồi dưỡng kỹ năng quản lý, phân tích số liệu và dự báo dân số cho lãnh đạo, quản lý dân số các cấp để điều hành linh hoạt theo biến động mức sinh của từng địa phương.

5.2. Nghiên cứu khoa học và hệ thống thông tin quản lý

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng các giải pháp can thiệp thực tiễn về quy mô, mức sinh trong mối quan hệ hữu cơ và phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch và an sinh xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tập trung duy trì mức sinh thay thế bền vững, giảm tình trạng sinh con thứ 3 trở lên tại các địa bàn có mức sinh cao.

- Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu dân số sát với thực tiễn địa phương, tăng cường khả năng phân tích, dự báo và cập nhật biến động dân số đến tận thôn, bản để cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh.

5.3. Hợp tác quốc tế

- Chủ động tổ chức các đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm tại các quốc gia có tương đồng về văn hóa hoặc đang thành công trong việc duy trì mức sinh (như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản) để vận dụng phù hợp với thực tiễn tỉnh.

- Khai thác tối đa các diễn đàn song phương với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) và các tổ chức quốc tế (UNFPA, WHO) để trao đổi về chính sách dân số và hỗ trợ kỹ thuật.

- Tranh thủ sự hỗ trợ tài chính và chuyên gia từ các dự án ODA, các tổ chức phi chính phủ để triển khai mô hình duy trì mức sinh thay thế tại các địa phương có mức sinh biến động.

5.4. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Định kỳ kiểm tra, giám sát hỗ trợ, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn;

- Sơ kết việc thực hiện Kế hoạch, nhất là việc đánh giá 5 năm giai đoạn 2026-2030 để điều chỉnh cho phù hợp giai đoạn tiếp theo.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hiện hành; nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai các nội dung của kế hoạch.

- Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí để tổ chức triển khai theo năm, giai đoạn của Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về quy mô dân số và mức sinh thay thế vào hệ thống các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu điều chỉnh bổ sung các chủ trương, cơ chế, chính sách, phù hợp với mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế trực thuộc triển khai các hoạt động: tổ chức triển khai các phòng tư vấn, cung cấp dịch vụ y tế - dân số, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, khám sức khoẻ trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh, sau sinh, phát hiện sớm nguy cơ, phòng ngừa, điều trị các bệnh di truyền ở thai nhi và trẻ sau sinh; tăng cường ngăn ngừa, sàng lọc, can thiệp, điều trị sớm các bệnh, tật là nguyên nhân dẫn đến vô sinh ở nhóm dân số trẻ, hiếm muộn...

- Phối hợp với Thống kê tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin hiện trạng mức sinh các thời điểm, giai đoạn trên cơ sở báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm, giai đoạn cho cấp có thẩm quyền để có chính sách phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh.

- Định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về Chương trình.

- Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Y tế (qua Cục Dân số) theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Y tế tham mưu cấp có thẩm quyền đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về quy mô dân số và mức sinh thay thế vào hệ thống các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan; hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

3. Sở Nội vụ: chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai các chương trình, dự án do ngành chủ trì liên quan đến mục tiêu giảm sinh trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách đối với lao động nữ, đặc biệt lao động nữ trong độ tuổi sinh đẻ và nuôi con nhỏ.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: chủ trì, phối hợp với Sở Y tế đổi mới toàn diện đưa nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới vào chương trình giảng dạy chính khóa, ngoại khóa trong và ngoài nhà trường.

5. Sở Xây dựng: chủ trì, phối hợp với Sở, Ban, Ngành rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở cho cặp vợ chồng, cá nhân để khuyến khích sinh con, nuôi dạy con tốt.

6. Sở Dân tộc và Tôn giáo: tăng cường công tác tuyên truyền về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục duy trì 02 mô hình điểm về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

7. Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch: chỉ đạo các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh tăng cường thời lượng, nâng cao chất lượng tuyên truyền, vận động về thực hiện mục tiêu duy trì mức sinh thay thế.

8. Báo và Phát thanh, Truyền hình Lạng Sơn: phối hợp với Sở Y tế đẩy mạnh tuyên truyền thường xuyên theo các sự kiện lớn; tăng số lượng chuyên trang, chuyên mục để kịp thời biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ duy trì mức sinh thay thế.

9. Thống kê Lạng Sơn: phối hợp với Sở Y tế cung cấp các thông tin về dân số được khai thác từ kết quả điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình hàng năm, Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ và Tổng điều tra dân số và nhà ở để kịp thời điều chỉnh các hoạt động thực hiện Kế hoạch

10. Các Sở Ban, Ngành liên quan khác: theo chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp, tham gia thực hiện các nội dung Chương trình và Kế hoạch này.

11. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tăng cường truyền thông, giáo dục cho hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân về chủ trương

"Mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 02 con"; tập trung thay đổi hành vi, xóa bỏ tư tưởng trọng nam khinh nữ và tâm lý ngại sinh con.

- Đưa mục tiêu bảo đảm mức sinh vững chắc và xây dựng gia đình hạnh phúc vào các cuộc vận động, phong trào thi đua tại địa phương; lồng ghép các nội dung này vào các cuộc vận động, phong trào thi đua, đặc biệt là cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

- Thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội trong việc thực hiện các chính sách về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và các chế độ hỗ trợ cho phụ nữ, trẻ em trên địa bàn tỉnh.

12. UBND các xã, phường

- Căn cứ thực trạng mức sinh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm tình hình cụ thể của địa bàn và Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện. Đưa mục tiêu, chỉ tiêu quy mô dân số và mức sinh vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030. Bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý để thực hiện kế hoạch.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện kế hoạch điều chỉnh mức sinh của địa bàn; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án liên quan trên địa bàn; ban hành quy định về việc đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các nội dung Kế hoạch; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh.

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai, thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh uỷ; (b/c);
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Thành viên BCĐ tỉnh (số 683/QĐ-UBND ngày 18/3/2025);
- UBND các xã, phường;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Trần Thanh Nhàn